

PHẦN 1: TỪ VỰNG CỐT LÕI (SŁOWNICTWO)

Bảng từ vựng dưới đây kèm theo cách "phát âm bởi" (đọc mô phỏng sang tiếng Việt) để các bạn dễ dàng tự ôn tập tại nhà.

STT	Từ vựng	Phân loại	Ý nghĩa và Cách dùng	Gợi ý phát âm (Tham khảo)
1	Dzień dobry	Chào hỏi	Chào buổi sáng/ngày (trang trọng)	/Đ-giên đốp-rư/
2	Dobry wieczór	Chào hỏi	Chào buổi tối	/Đốp-rư vi-ê-chur/
3	Cześć	Chào hỏi	Chào (thân mật)	/Tr-ết-s-ch/
4	Do widzenia	Tạm biệt	Tạm biệt (trang trọng)	/Đô vi-dê-nha/
5	Dobranoc	Tạm biệt	Chúc ngủ ngon	/Đô-bra-nốt-s/
6	Proszę	Xã giao	Xin vui lòng/Làm ơn/Mời	/Prô-sê/
7	Dziękuję	Xã giao	Cảm ơn	/Đ-giên-ku-dê/
8	Przepraszam	Xã giao	Xin lỗi/Cho hỏi	/P-sê-pra-sam/
9	Tak	Khẳng định	Vâng/Có	/Tắc/
10	Nie	Phủ định	Không	/Nhe/
11	Jak się masz?	Câu hỏi	Bạn khỏe không? (thân mật)	/Dắc sê mát-s?/
12	Dobrze	Tính từ	Tốt/Khỏe	/Đốp-rê/
13	Pan	Danh từ	Ngài/Ông	/Pan/
14	Pani	Danh từ	Bà/Cô	/Pa-nhi/
15	Miło mi	Xã giao	Rất vui được gặp bạn	/Mi-ô mi/
16	Co słyhać?	Câu hỏi	Có chuyện gì mới không?	/Xô s-vu-hát-s?/
17	Słucham?	Câu hỏi	Dạ?/Tôi đang nghe đây	/S-vu-ham?/
18	Pomocy!	Khẩn cấp	Cứu với!	/Pô-mô-xu!/
19	Proszę powtórzyć	Mệnh lệnh	Vui lòng nhắc lại	/Prô-sê pốp-tu-r-dích/
20	Nie rozumiem	Phủ định	Tôi không hiểu	/Nhe rô-zu-mi-êm/